

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /CTK-TH
V/v ban hành Thông cáo báo chí
tình hình kinh tế - xã hội năm 2024

Hà Tĩnh, ngày tháng 01 năm 2025

Kính gửi:

- Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã;
- Các Cơ quan báo chí Trung ương và địa phương.

Thực hiện Văn bản số 528/TCTK-TKTH ngày 16/5/2019 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về việc ban hành quy trình họp báo, công bố số liệu thống kê kinh tế - xã hội áp dụng đối với Cục Thống kê các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Kế hoạch số 535/CTK-KH ngày 26/12/2024 của Cục Thống kê Hà Tĩnh về Hợp báo công bố số liệu thống kê tình hình kinh tế - xã hội năm 2024;

Cục Thống kê Hà Tĩnh công bố số liệu thống kê tình hình kinh tế - xã hội năm 2024 (theo Thông cáo báo chí gửi kèm) gửi các cơ quan, đơn vị, các báo chí Trung ương và địa phương đóng trên địa bàn tỉnh khai thác sử dụng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Cục Thống kê;
- Chi cục Thống kê các huyện, thành phố, thị xã;
- Lưu: VT. TH.

CỤC TRƯỞNG

Trần Thanh Bình

THÔNG CÁO BÁO CHÍ
TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2024
(Kèm theo Văn bản số: /CTK-TH, ngày /01/2025
của Cục Thống kê tỉnh Hà Tĩnh)

Năm 2024 là năm bứt phá để hoàn thành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 - 2025. Từ đầu năm đến nay, tăng trưởng kinh tế tiếp tục phục hồi, các hoạt động kinh tế xã hội diễn ra sôi động hơn, một số chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội năm 2024 đạt kết quả ấn tượng. Tuy vậy, nền kinh tế tỉnh nhà vẫn còn đối mặt với nhiều thách thức trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới và trong nước tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường với nhiều khó khăn hơn; xung đột quân sự tiếp tục leo thang tại một số quốc gia, khu vực; nhiều nền kinh tế lớn phục hồi còn chậm. Thị phần bán nội địa giảm, thị trường quốc tế gặp nhiều khó khăn, nhiều doanh nghiệp đang phải đối mặt với việc tìm kiếm thị trường mới.

Trước bối cảnh đó, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp ngay từ đầu năm. Trong đó, đẩy mạnh tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho sản xuất, kinh doanh; triển khai nhiều giải pháp phục hồi phát triển kinh tế, quy hoạch tỉnh, đẩy nhanh tiến độ các dự án công nghiệp lớn, tổ chức các hoạt động mùa du lịch, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công; chăm lo đời sống Nhân dân, an sinh xã hội; tập trung cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi phát triển.

I. VỀ LĨNH VỰC KINH TẾ

1. Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) năm 2024 ước tính tăng 7,48% so với năm trước, xếp thứ 31 toàn quốc và thứ 4 khu vực Bắc Trung Bộ.

Trong mức tăng trưởng chung toàn tỉnh, khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản ước tăng 3,80%, đóng góp 6,59%; khu vực công nghiệp và xây dựng ước tăng 8,20%, đóng góp 48,18 %; khu vực dịch vụ ước tăng 8,06% đóng góp 36,62 % và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm ước tăng 7,06%, đóng góp 8,60% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm.

Trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản: Ngành nông nghiệp ước tăng 3,48%, đóng góp 0,35 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn tỉnh; ngành lâm nghiệp ước tăng 6,39% nhưng chiếm tỷ trọng thấp nên chỉ đóng góp 0,07 điểm phần trăm; ngành thủy sản ước tăng 4,04%, đóng góp 0,07 điểm phần trăm vào mức tăng chung toàn ngành.

Trong khu vực công nghiệp, xây dựng: Ngành công nghiệp ước tăng 6,54%, đóng góp 2,24 điểm phần trăm. Trong đó: Ngành khai khoáng ước tăng 39,04%, đóng góp 0,17 điểm phần trăm vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn tỉnh; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 2,12%, đóng góp 0,55 điểm phần trăm; ngành sản xuất và phân phối điện khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí tăng 19,72%, đóng góp 1,49 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 8,07%, đóng góp 0,04 điểm phần trăm; ngành xây dựng tăng 14,09%, đóng góp 1,36 điểm phần trăm vào mức tăng chung tổng giá trị tăng thêm toàn tỉnh.

Khu vực dịch vụ: Dịch vụ, du lịch tăng trưởng khá. Các hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch diễn ra sôi động, hạ tầng du lịch có nhiều cải thiện, chất lượng dịch

vụ ngày càng đáp ứng tốt nhu cầu của du khách. Đóng góp của một số ngành dịch vụ có tỷ trọng lớn vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn tỉnh như sau: Ngành bán buôn, bán lẻ tăng 11,69% so với năm trước, đóng góp 0,73 điểm phần trăm vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn tỉnh; ngành vận tải kho bãi tăng 13,46%, đóng góp 0,48 điểm phần trăm; ngành thông tin và truyền thông tăng 5,61%, đóng góp 0,25 điểm phần trăm; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 8,04%, đóng góp 0,25 điểm phần trăm,...

Quy mô kinh tế: Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) theo giá hiện hành năm 2024 ước đạt 112.855 tỷ đồng, xếp thứ 34/63 tỉnh, thành phố trong cả nước và xếp thứ 3 khu vực Bắc Trung Bộ.

Cơ cấu kinh tế: Năm 2024, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 14,07%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 41,38% (trong đó, ngành Công nghiệp chiếm 31,75%; ngành xây dựng chiếm 9,63%); khu vực Dịch vụ chiếm 35,64%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 8,91%.

2. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tiếp tục đà tăng trưởng. Sản xuất nông nghiệp được mùa; vụ Xuân đạt năng suất, sản lượng cao nhất từ trước tới nay; giá bán cao hơn các năm trước; chăn nuôi duy trì ổn định, sản lượng thịt hơi xuất chuồng tăng nhẹ; sản xuất lâm nghiệp, thủy sản tiếp tục duy trì ổn định.

a. Trồng trọt

Trồng cây hàng năm: Tổng diện tích gieo trồng toàn tỉnh đạt 157.226 ha, bằng 99,16% (giảm 1.330 ha) so với năm trước. Tổng sản lượng lương thực có hạt cả năm ước tính đạt 670.660 tấn, so với thực hiện năm trước bằng 103,8% (tăng 24.572 tấn). Kết quả cụ thể đối với một số cây trồng chủ lực như sau: Diện tích gieo trồng cây lúa cả năm ước tính đạt 104.356 ha, bằng 100,06% (tăng 64 ha), tổng sản lượng lúa năm 2024 ước tính đạt 598.018 tấn, bằng 103,35% (tăng 19.400 tấn), năng suất gieo trồng lúa cả năm ước tính đạt 57,31 tạ/ha, bằng 103,29% (tăng 1,83 tạ/ha); diện tích gieo trồng ngô ước tính đạt 14.383 ha, bằng 100,07% (tăng 10 ha), sản lượng ngô cả năm ước tính đạt 72.642 tấn, bằng 107,67% (tăng 5.173 tấn), năng suất ngô cả năm ước tính đạt 50,51 tạ/ha, bằng 107,59% (tăng 3,57 tạ/ha),... Nhìn chung, năm 2024 sản xuất nông nghiệp diễn ra trong điều kiện thời tiết tương đối thuận lợi, các loại cây trồng sinh trưởng và phát triển tốt cho năng suất thu hoạch đạt cao, đặc biệt trên cây lúa thẳng lợi ở cả 2 vụ Đông Xuân và Hè Thu.

Trồng cây lâu năm: Tổng diện tích cây lâu năm sơ bộ đạt 31.394 ha, bằng 99,09% (giảm 289 ha) so với năm 2023, trong đó: Diện tích cây ăn quả sơ bộ đạt 19.547 ha, bằng 100,80% (tăng 155 ha), chiếm 62,26% tổng diện tích cây lâu năm. Sản lượng cây ăn quả sơ bộ đạt 181.885 tấn, bằng 103,05% (tăng 5.386 tấn) so với năm trước. Trong đó: Sản lượng các loại quả nhiệt đới và cận nhiệt đới sơ bộ đạt 53.121 tấn, bằng 101,51%, (tăng 788 tấn); Sản lượng các loại quả có múi thuộc họ cam, quýt sơ bộ đạt 126.712 tấn, bằng 103,85%, (tăng 4.703 tấn) so với năm 2023. Năm 2024, do không ngừng đưa các tiến bộ khoa học vào sản xuất nông nghiệp, mức độ đầu tư được tăng lên, công tác chọn giống từng bước được coi trọng. Cùng với điều kiện thời tiết tương đối thuận lợi làm cho cây trồng nói chung và cây ăn quả nói riêng phát triển tốt.

Về chăn nuôi: Hoạt động sản xuất chăn nuôi trên địa bàn tỉnh ở mức ổn định, dịch bệnh đối với chăn nuôi vẫn xảy ra nhưng cơ bản được kiểm soát; việc tái đàn và phục hồi chăn nuôi tiếp tục được quan tâm thực hiện. Tổng đàn lợn và gia cầm

có mức tăng so với năm trước. Tuy nhiên, tổng đàn trâu và đàn bò có xu hướng ngày càng giảm do chăn nuôi không hiệu quả. Kết quả về số lượng và sản lượng đàn vật nuôi năm 2024 ước tính như sau: Đàn trâu hiện có 65.470 con, bằng 97,85% (giảm 1.440 con); đàn bò hiện có 161.265 con, bằng 98,32% (giảm 2.755 con); tổng đàn lợn hiện có 405.267 con, bằng 101,30% (tăng 5.187 con) so với năm 2023; đàn gia cầm hiện có 10.251 ngàn con, bằng 101,91% (tăng 192 ngàn con), trong đó, đàn gà hiện có là 8.524 ngàn con, bằng 102,18% (tăng 182 ngàn con). Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng năm 2024 ước đạt 114.647 tấn tăng 5,38% (tăng 5.853 tấn) so với năm 2023.

b. Lâm nghiệp

Năm 2024, diện tích rừng trồng mới tập trung ước đạt 9.788 ha, bằng 99,57%; sản lượng gỗ khai thác ước đạt 625.952 m³, bằng 107,34%; sản lượng củi khai thác ước đạt 405.619 ste, bằng 95,21%; số cây lâm nghiệp trồng phân tán ước đạt 2.811 ngàn cây, bằng 97,06% so với năm trước.

Tính từ đầu năm đến nay, toàn tỉnh xảy ra 4 vụ cháy rừng (giảm 2 vụ), với diện tích rừng bị cháy là 1,74 ha (giảm 3,14 ha) và 51 vụ phá rừng (giảm 65 vụ), với diện tích rừng bị phá là 13,94 ha (giảm 40,09 ha) so với năm 2023.

c. Thủy sản

Các hoạt động nuôi trồng, đánh bắt đạt kết quả khá, tổng sản lượng thủy sản ước đạt 58.737 tấn, tăng 4,05% so với năm 2023. Trong đó, sản lượng khai thác ước đạt 41.378 tấn, bằng 104,46%, tăng 1.765 tấn, sản lượng nuôi trồng ước đạt 17.359 tấn, bằng 103,09%, tăng 520 tấn. Ngành thủy sản đã từng bước chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả; thu hút nhiều thành phần kinh tế xã hội tham gia bảo vệ và phát triển bền vững nguồn thủy hải sản, thích ứng với biến đổi khí hậu; sản phẩm chủ lực như tôm thẻ chân trắng đang có xu hướng tăng dần do nhu cầu tiêu dùng ngày càng tăng.

3. Sản xuất công nghiệp

Nhờ nỗ lực vượt khó, đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, hoạt động sản xuất công nghiệp năm 2024 tiếp tục đạt mức tăng trưởng khá. Tăng trưởng toàn ngành ước tăng 6,54%, đóng góp 2,24 điểm phần trăm vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn tỉnh.

Trong năm, ngành công nghiệp có nhiều điểm thuận lợi như: Sản phẩm vật liệu xây dựng, vỏ bào, dăm gỗ cũng đang được đẩy mạnh xuất khẩu; ngành may mặc có nhiều tín hiệu tích cực; Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I hoạt động 2 tổ máy; nhà máy sợi Nghệ Tĩnh đi vào sản xuất thương mại ổn định, sản lượng bình quân dự tính đạt hơn 200 tấn/1 tháng. Bên cạnh đó, ngành công nghiệp vẫn còn những khó khăn, thách thức như: Nhà máy thép Formosa gặp nhiều khó khăn trong việc xuất khẩu thép ra thị trường ngoài nước. Sản xuất công nghiệp chưa đạt kỳ vọng chủ yếu do sản xuất thép, điện chưa phục hồi ổn định, ngoài nguyên nhân thị trường thép khó khăn còn do Formosa bảo dưỡng dây chuyền cán nóng (từ ngày 1/4/2024 đến ngày 14/4/2024), Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I bảo dưỡng Tổ máy số 2 (từ 15/8/2024 đến ngày 14/10/2024).

Ước tính năm 2024, chỉ số sản xuất ngành công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh giảm 1,03% so với năm 2023. Cụ thể: Ngành công nghiệp khai khoáng tăng 40,37% đóng góp 0,5 điểm vào mức tăng chung toàn ngành; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 5,39% làm giảm 4,31 điểm; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 19,61% đóng góp 2,53 điểm; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 11,19% đóng góp 0,25

điểm vào mức tăng chung toàn ngành công nghiệp Hà Tĩnh.

4. Tình hình hoạt động doanh nghiệp

Năm 2024, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp được đánh giá có chuyển biến tích cực hơn trước. Tuy nhiên bên cạnh những yếu tố thuận lợi, thì hiện nay nhiều doanh nghiệp đang phải đối diện với không ít khó khăn, thách thức. Theo các doanh nghiệp, khó khăn nhất hiện nay vẫn là nhu cầu thị trường sụt giảm và chi phí sản xuất cao.

Tính từ đầu năm đến ngày 25/12/2024, toàn tỉnh thành lập mới 1.336 doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc, tăng 12,65% so với cùng kỳ năm 2023. Nâng tổng số doanh nghiệp lên gần 12.500 doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc trên toàn tỉnh. Tổng vốn đăng ký đạt 7.021 tỷ đồng, tăng 25,40% so với cùng kỳ năm 2023, vốn bình quân trên một doanh nghiệp đạt 5,26 tỷ đồng, tăng 11,32% so với cùng kỳ năm trước. Trong năm có 409 doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc hoạt động trở lại, tăng 7,35% so với năm 2023.

Bên cạnh các doanh nghiệp thành lập mới, trong năm qua có nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn, tạm ngừng và giải thể, cụ thể: Có 661 doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc đăng ký tạm ngừng hoạt động, tăng 14,36% so với cùng kỳ năm trước; 242 doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc giải thể, giảm 1,63% so với cùng kỳ năm 2023.

5. Thương mại, dịch vụ

Năm 2024, ngành dịch vụ được đánh giá là một điểm sáng trong phục hồi nền kinh tế tỉnh nhà, đã tác động lan tỏa tới nhiều lĩnh vực, góp phần cải thiện động lực tăng trưởng của nền kinh tế là đầu tư và tiêu dùng. Năm nay hoạt động thương mại, du lịch, và dịch vụ trên địa bàn tỉnh diễn ra khá sôi động.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2024 ước đạt 82.941 tỷ đồng, tăng 15,57% so với năm trước. Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 69.761 tỷ đồng, tăng 16,70% so với năm trước; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống và du lịch lữ hành ước đạt 8.600 tỷ đồng, tăng 12,41%; doanh thu dịch vụ khác ước đạt 4.580 tỷ đồng, tăng 5,58% so với năm 2023.

Hoạt động vận tải, kho bãi năm 2024 có doanh thu tăng mạnh so với năm trước, do tình hình thị trường nhìn chung ổn định, giao thương thuận lợi, cùng với đó các dự án xây dựng cơ bản, đầu tư lớn đẩy nhanh tiến độ thi công. Từ đó làm cho hoạt động vận tải hành khách, hàng hóa và hoạt động kho bãi trên địa bàn tỉnh phát triển mạnh hơn so với năm trước. Doanh thu vận tải, kho bãi năm 2024 ước đạt 8.465,23 tỷ đồng, tăng 17,39% so với năm trước, trong đó: Vận tải hành khách ước đạt 1.459,62 tỷ đồng, tăng 33,52%; vận tải hàng hóa ước đạt 5.297,36 tỷ đồng, tăng 13,82%; doanh thu kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 1.645,28 tỷ đồng, tăng 25,57%; doanh thu bưu chính chuyển phát ước đạt 62,98 tỷ đồng, giảm 59,09% so với năm trước.

6. Thu, chi ngân sách

Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh năm 2024 đạt cao hơn so với năm trước. Chi ngân sách Nhà nước cơ bản đáp ứng kịp thời các nhiệm vụ đầu tư phát triển, chi thường xuyên, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phục hồi nền kinh tế.

Thu ngân sách nhà nước tính đến ngày 31/12/2024 đạt 18.133 tỷ đồng (tăng 0,95% so với cùng kỳ). Trong đó, thu nội địa đạt 10.149 tỷ đồng, tăng 10,56% so với cùng kỳ; thu hoạt động xuất nhập khẩu đạt 7.712 tỷ đồng, giảm 11,80% so với cùng kỳ.

Chi ngân sách nhà nước tính đến ngày 31/12/2024 đạt 26.145 tỷ đồng, tăng

7,58% so với cùng kỳ. Trong đó, chi đầu tư phát triển đạt 11.698 tỷ đồng, chiếm 44,74% tăng 4,44%; chi thường xuyên đạt 14.184 tỷ đồng, chiếm 55,13% tổng chi, tăng 11,22% so với cùng kỳ năm trước.

7. Hoạt động ngân hàng

Năm 2024, ngành Ngân hàng Hà Tĩnh đã thực hiện nhiều giải pháp nhằm hỗ trợ, người dân và doanh nghiệp tiếp cận vốn tín dụng tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Huy động vốn tăng khá, dư nợ tín dụng xu hướng tăng trưởng tích cực hơn.

Tổng nguồn vốn huy động của các tổ chức tín dụng tại Hà Tĩnh ước đến thời điểm 31/12/2024 đạt 110.578 tỷ đồng, tăng 10% so với cuối năm 2023. Số dư huy động vốn bằng đồng Việt Nam đạt 107.928 tỷ đồng, bằng ngoại tệ đạt 2.650 tỷ đồng. Trong đó, nguồn vốn huy động trung, dài hạn đạt 10.842 tỷ đồng, chiếm 9,8% tổng nguồn vốn huy động, tăng 2,52%; nguồn dư huy động vốn ngắn hạn đạt 99.736 tỷ đồng, chiếm 90,20% trong tổng nguồn vốn huy động, tăng 10,88% so với cuối năm 2023.

Dư nợ tín dụng ước đến 31/12/2024 đạt 109.500 tỷ đồng, tăng 14% so với cuối năm 2023. Trong đó, dư nợ ngắn hạn đạt 84.062 tỷ đồng (chiếm 76,77% tổng dư nợ), tăng 21,54% so với cuối năm 2023; dư nợ trung dài hạn đạt 25.438 tỷ đồng (chiếm 23,23% tổng dư nợ), giảm 5,38% so với cuối năm 2023.

8. Đầu tư và xây dựng

Tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội năm 2024 tăng khá, ước tính cả năm 2024 đạt 57.106 tỷ đồng, tăng 10,84% so với năm trước nhờ đóng góp của các dự án lớn khu vực kinh tế nhà nước (cao tốc Bắc Nam, đường dây 500 kV) và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (Nhiệt điện Vũng Áng II, Pin Lithium, VSIP). Chấp thuận chủ trương 21 dự án đầu tư tổng vốn hơn 17.500 tỷ đồng.

Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội trên địa bàn Hà Tĩnh năm 2024 ước đạt 57.106 tỷ đồng, tăng 10,84% so với năm trước. Trong đó: Vốn nhà nước trên địa bàn ước đạt 23.678 tỷ đồng, chiếm 41,46% tổng vốn tăng 91,82% so với năm trước; vốn đầu tư ngoài nhà nước ước đạt 16.097 tỷ đồng chiếm 28,19% tổng vốn, giảm 18,89% so với năm trước do hoạt động đầu tư từ khu vực doanh nghiệp còn khó khăn; vốn đầu tư thực hiện khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ước đạt 17.331 tỷ đồng, chiếm 30,35% tổng vốn giảm 10,36% so với năm trước.

Nhìn chung tổng vốn đầu tư toàn xã hội năm 2024 tăng so với cùng kỳ năm trước nguyên nhân chủ yếu: (1) Dự án đường cao tốc Bắc Nam qua địa bàn Hà Tĩnh đang đẩy nhanh tiến độ thi công. (2) dự án đường dây 500kV mạch 3 đoạn qua Hà Tĩnh với tổng mức đầu tư 4.719 tỷ đồng đã hoàn thành. (3) Hiện nay một số dự án lớn có vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài cũng đang gấp rút thi công. (4) Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp Bắc Thạch Hà (VSIP) cơ bản đã hoàn thành giải phóng mặt bằng sẵn sàng khởi công dự án dự ước đạt 278 tỷ đồng (cùng kỳ năm ngoái chưa triển khai dự án). (5) Ngoài ra, thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh ghi nhận những chuyển biến tốt sau những chính sách hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn của Chính phủ, tạo điều kiện phục hồi cho hoạt động đầu tư xây dựng.

9. Xuất, nhập khẩu hàng hóa

Hoạt động xuất - nhập khẩu trong năm 2024 mặc dù không đạt được như kỳ vọng, nhưng ghi nhận những nỗ lực trong những tháng cuối năm để đạt mục tiêu Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh với giá trị xuất khẩu 2,4 tỷ USD. Mặc dù mặt hàng thép vẫn đang gặp nhiều khó khăn trong tìm kiếm thị trường đầu ra, nhưng

việc các hàng hoá khác đạt giá trị xuất khẩu tăng vượt bậc là những tín hiệu đáng mừng đối với nền kinh tế tỉnh nhà khi đa dạng hoá các mặt hàng xuất khẩu, giảm dần sự phụ thuộc vào ngành thép.

Về xuất khẩu: Trong năm, trị giá xuất khẩu ước đạt 2.400 triệu USD, giảm 2,20% so với cùng kỳ năm trước (giảm 54 triệu USD). Nguyên nhân chủ yếu do từ đầu năm tình hình kinh tế toàn cầu chịu tác động tiêu cực từ lạm phát, tăng lãi suất dẫn đến nhu cầu tiêu thụ sản phẩm thép trên thế giới giảm sút, mặc dù quý IV đã có nhiều tín hiệu tích cực tuy nhiên vẫn chưa đạt được như kỳ vọng, ngoài ra, trị giá xuất khẩu mặt hàng xơ, sợi dệt cũng giảm đến 18,16% so với cùng kỳ. Mặc dù trị giá xuất khẩu các mặt hàng khác như chè, dệt và may mặc tăng trưởng khá tuy nhiên do tỷ trọng không lớn nên không tác động nhiều đến kết quả chung toàn tỉnh.

Về nhập khẩu: Trị giá nhập khẩu năm 2024 ước đạt 3.740 triệu USD tăng 3,89%. Việc nhập khẩu hàng hoá tăng cũng mang tín hiệu tích cực cho thấy yêu cầu tiêu dùng ngày càng cao, tăng sức cạnh tranh đối với hàng hoá trong nước thúc đẩy doanh nghiệp đẩy mạnh nâng cao chất lượng và hình thức vươn tầm quốc tế thay vì chỉ chú trọng vào yếu tố giá thành.

10. Giá cả, lạm phát

Tình hình giá cả năm 2024 cơ bản nằm ở mức kiểm soát, chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm tăng 4,03%. Từ đầu năm đến nay các mặt hàng có mức biến động mạnh chủ yếu tập trung ở các nhóm lương thực, ăn uống, thuốc và dịch vụ y tế, điện nước sinh hoạt.

Phân theo nhóm ngành hàng: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 6,79%; đồ uống và thuốc lá tăng 5,97%; may mặc, mũ nón, giày dép tăng 3,81%; nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 3,06%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 1,17%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 7%; giao thông giảm 0,49%; bưu chính viễn thông giảm 1,24%; giáo dục tăng 2,27%; văn hoá, giải trí và du lịch tăng 2,49%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 6,12% so với cùng kỳ năm trước.

II. MỘT SỐ LĨNH VỰC XÃ HỘI

1. Dân số, lao động, việc làm

Dân số trung bình năm 2024 ước tính 1.329.825 người, tăng 0,46 % so với năm 2023. Trong đó, dân số thành thị 300.380 người, chiếm 22,59%; dân số nông thôn 1.029.445 người, chiếm 77,41%; dân số nam 661.219 người, chiếm 49,72% và dân số nữ 668.606 người, chiếm 50,28%.

Lực lượng lao động 15 tuổi trở lên ước tính là 527.641 người, tăng 0,10% so với năm 2023. Trong đó lao động có việc làm là 503.538 người, chiếm 95,43% và tăng 0,25% so với năm 2023. Phân theo khu vực kinh tế, số lao động làm việc trong lĩnh vực ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2024 chiếm 29,15% (tương ứng 146.758 người, giảm 0,42% so với năm 2023); khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 28,65% (tương ứng 144.248 người, tăng 1,24% so với năm trước); còn khu vực dịch vụ chiếm 42,21% (tương ứng 212.532 người, tăng 0,06% so với năm 2023).

Năm 2024, tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động là 5,27%, giảm 0,24 điểm phần trăm so với năm trước; tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động là 2,49%, tăng 0,16 điểm phần trăm so với năm 2023.

Số người được giải quyết việc làm và xuất khẩu lao động năm 2024 là 23.501 người, đạt 102,18% so với kế hoạch và tăng 1,63% so với năm 2023.

2. Công tác bảo đảm an sinh xã hội

Trong năm, toàn tỉnh đã chi trả trợ cấp hàng tháng và hỗ trợ đột xuất cho đối tượng người có công với tổng số tiền là 1.197,883 tỷ đồng; chi trả trợ cấp hàng tháng và hỗ trợ đột xuất cho các đối tượng bảo trợ xã hội quy định tại các chương 2, 3, 4 và 5 của Nghị định 20/2021/NĐ-CP với tổng số tiền là 544,21 tỷ đồng; chi trả trợ cấp hàng tháng và hỗ trợ đột xuất cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng khác với tổng số tiền là 59,939 tỷ đồng; hỗ trợ 189 triệu đồng mua 10,52 tấn gạo cho các hộ dân tộc Chứt thuộc huyện Hương Khê và các hộ nghèo, hộ cận nghèo huyện Cẩm Xuyên.

Đã cấp phát miễn phí khoảng 403.285 thẻ bảo hiểm y tế khám chữa bệnh miễn phí. Trong đó, cấp 13.934 thẻ bảo hiểm cho hộ nghèo; 28.610 thẻ cho hộ cận nghèo; 141.374 thẻ cho trẻ em dưới 6 tuổi; 42.862 thẻ cho người có công và 176.505 thẻ cho các đối tượng khác trong năm.

3. Giáo dục đào tạo

Với những kết quả và thành tích đạt được trong năm học 2023 - 2024 với nhiều con số ấn tượng khi xếp thứ 7 toàn quốc về điểm thi bình quân tốt nghiệp THPT; thứ 10 toàn quốc về số lượng học sinh đạt giải quốc gia, đạt Huy chương bạc Olympic Toán học quốc tế; thứ 4/12 tại Hội khỏe Phù Đổng khu vực III tại tỉnh Quảng Nam.

Bước vào năm học mới 2024 - 2025 Hà Tĩnh có hơn 362 ngàn giáo viên và học sinh ở 668 trường học (255 trường mầm non, 221 trường tiểu học, 147 trường THCS và 45 trường THPT) với 10.695 lớp (mẫu giáo 2.916 lớp, tiểu học 4.182 lớp, THCS 2.407 lớp, THPT 1.190 lớp).

Ngành Giáo dục và Đào tạo Hà Tĩnh tiếp tục thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Trong năm học 2024 - 2025, kỳ thi chọn học sinh giỏi tỉnh lớp 12, Hà Tĩnh có 1.039 thí sinh tham gia với 10 môn thi: Toán 151 em, Vật lý 134 em, Hoá học 110 em, Sinh học 126 em, Tin học 76 em, Ngữ Văn 125 em, Lịch sử 119 em, Địa lý 119 em, Tiếng Anh 54 em và Tiếng Pháp 25 em. Việc tổ chức các kỳ thi chọn học sinh giỏi ở Hà Tĩnh đã góp phần thúc đẩy phong trào thi đua dạy học, nâng cao chất lượng giáo dục trong các nhà trường.

4. Tình hình dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm

Công tác phòng chống HIV/AIDS: Trong năm, trên địa bàn tỉnh phát hiện 31 ca nhiễm mới HIV/AIDS, có 20 ca chuyển sang AIDS và 6 ca chết vì AIDS (giảm 11 ca nhiễm mới, giảm 16 ca chuyển sang AIDS và giảm 3 ca chết vì AIDS so với năm trước);

Tình hình dịch bệnh khác: Trong năm, ghi nhận 450 ca mắc Sởi trên địa bàn, khống chế thành công 04 ổ dịch xảy ra tại các huyện: Lộc Hà (40 ca); Nghi Xuân (11 ca); Hương Khê (40 ca) và Đức Thọ (53 ca).

Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm: Trong năm, xảy ra 3 vụ ngộ độc thực phẩm tập thể, làm 13 người bị ngộ độc và có 872 người bị ngộ độc đơn lẻ (giảm 01 vụ ngộ độc tập thể, giảm 29 người bị ngộ độc so với năm trước).

5. Tai nạn giao thông

Tính chung năm 2024, trên địa bàn tỉnh xảy ra 403 vụ tai nạn đường bộ, làm 224 người chết, 249 người bị thương (tăng 43 vụ, tăng 25 người chết, tăng 34 người bị thương so với năm trước); 4 vụ tai nạn đường sắt, làm chết 2 người, 1 người bị thương (tăng 1 vụ, tăng 1 người bị thương và số người chết không thay đổi so với năm trước).

6. Bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ

Công tác bảo vệ môi trường: Trong năm, phát hiện 260 vụ vi phạm môi trường,

giảm 174 vụ (giảm 40,09%); đã xử phạt 247 vụ, giảm 220 vụ (giảm 47,11%); tổng số tiền xử phạt là 2.110,7 triệu đồng, tăng 350,74 triệu đồng (tăng 19,93%) so với cùng kỳ năm trước.

Tình hình cháy, nổ: Trong năm, trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đã xảy ra 86 vụ cháy, giá trị thiệt hại ước tính 2.199,9 triệu đồng (giảm 22 vụ, không làm thiệt hại về người như năm trước). Năm 2024 trên địa bàn không xảy ra vụ nổ nào (giảm 2 vụ, giảm 1 người chết, giảm 3 người bị thương so với năm trước).

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

Tiếp tục thúc đẩy tăng trưởng, khai thác dư địa trong từng ngành, lĩnh vực, địa phương; phấn đấu hoàn thành cao nhất mục tiêu giai đoạn 2021 - 2025 và Công điện số 140/CĐ-TTg ngày 27/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phấn đấu tăng trưởng kinh tế hai con số năm 2025. Để đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu kinh tế - xã hội theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh đề ra, thời gian tới cần tập trung giải quyết một số nội dung chủ yếu sau đây:

Một là, tiếp tục tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tập trung phát triển công nghiệp, đẩy nhanh tiến độ các dự án công nghiệp lớn, trọng điểm tạo nền tảng thúc đẩy tăng trưởng xanh, bền vững cho giai đoạn tới. Tăng cường các hoạt động xúc tiến, thu hút đầu tư vào các lĩnh vực, địa bàn, dự theo định hướng quy hoạch tỉnh, đặc biệt là các dự án lớn, các nhà đầu tư chiến lược đã ký cam kết.

Hai là, duy trì ổn định sản xuất nông nghiệp, chủ động bám sát diễn biến thời tiết, phòng chống thiên tai, tăng cường các biện pháp phòng chống dịch bệnh, không để xảy ra dịch tả lợn Châu Phi, dịch viêm da nổi cục trên đàn trâu bò; tập trung triển khai đề án, chính sách phát triển nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn gắn với tập trung tích tụ ruộng đất.

Ba là, khai thác hiệu quả khu vực dịch vụ, du lịch. Xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển thương mại, đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu gắn với phát triển dịch vụ logistics. Chủ động dự báo tình hình thị trường, theo dõi sát cung - cầu hàng hóa trên địa bàn. Tăng cường công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, đẩy mạnh quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh có điều kiện. Thực hiện có hiệu quả cuộc vận động người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam. Đa dạng hóa sản phẩm du lịch đáp ứng xu hướng mới của thị trường; tăng cường xúc tiến du lịch, liên kết vùng, chuyển đổi số trong phát triển du lịch. Hướng dẫn nhà đầu tư tập trung hoàn thiện hồ sơ thủ tục, sớm triển khai các dự án du lịch, dịch vụ, ven biển.

Bốn là, tăng cường quản lý, điều hành, sử dụng hiệu quả ngân sách, tín dụng ngân hàng để phục vụ phát triển kinh tế. Tăng cường công tác hậu kiểm, chống thất thu, thu hồi nợ thuế. Tiếp tục quán triệt nguyên tắc quản lý, điều hành chi ngân sách đảm bảo dự toán giao đầu năm, đúng chế độ quy định; ưu tiên các nhiệm vụ trọng tâm theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX./.

CỤC THỐNG KÊ HÀ TĨNH



TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ TỈNH HÀ TĨNH

TỔNG QUAN KINH TẾ - XÃ HỘI HÀ TĨNH NĂM 2024





Tình hình KTXH tỉnh Hà Tĩnh năm 2024

Chỉ số sản xuất công nghiệp **giảm 1,03%**



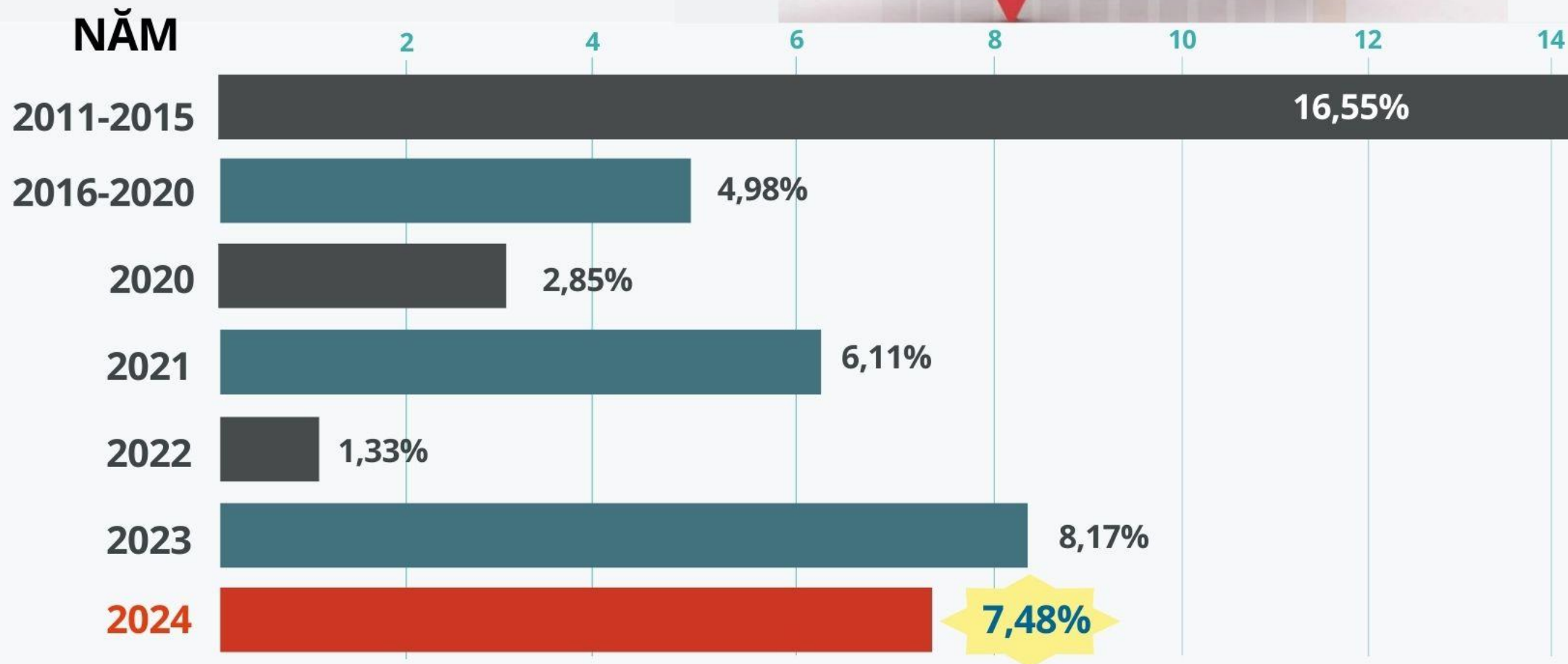
Vốn đầu tư ước đạt **57.106,24 tỷ đồng, tăng 10,84%**

Tổng mức bán lẻ **tăng 16,70%**



Thu ngân sách NN đạt **18.132,84 tỷ đồng, tăng 0,95%**

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG **GRDP** QUA CÁC NĂM CỦA HÀ TĨNH



TỐC ĐỘ TĂNG CÁC KHU VỰC KINH TẾ



+3,80%

Khu vực Nông,
lâm nghiệp và thủy sản



+8,20%

Công nghiệp
và xây dựng



+8,06%

Thương mại,
dịch vụ



+7,06%

Thuế SP trừ
trợ cấp SP

Năm 2023

+2,99%

TĂNG TRƯỞNG KHU VỰC I

+3,80%

Năm 2024

TỐC ĐỘ TĂNG CÁC NGÀNH KHU VỰC I NĂM 2024



+3,48%

Nông nghiệp



+6,39%

Lâm nghiệp



+4,04%

Thủy sản



TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP NĂM 2024

6,54%



TOÀN NGÀNH



+39,04%

Khai khoáng

+2,12%
Chế biến, chế tạo



+19,72%

SX và PP điện, khí đốt

**Cung cấp nước
và xử lý rác thải**

+8,07%



TỐC ĐỘ TĂNG MỘT SỐ NGÀNH DỊCH VỤ NĂM 2024



+11,69%

Bán buôn bán lẻ



+13,46%

Vận tải



+5,61%

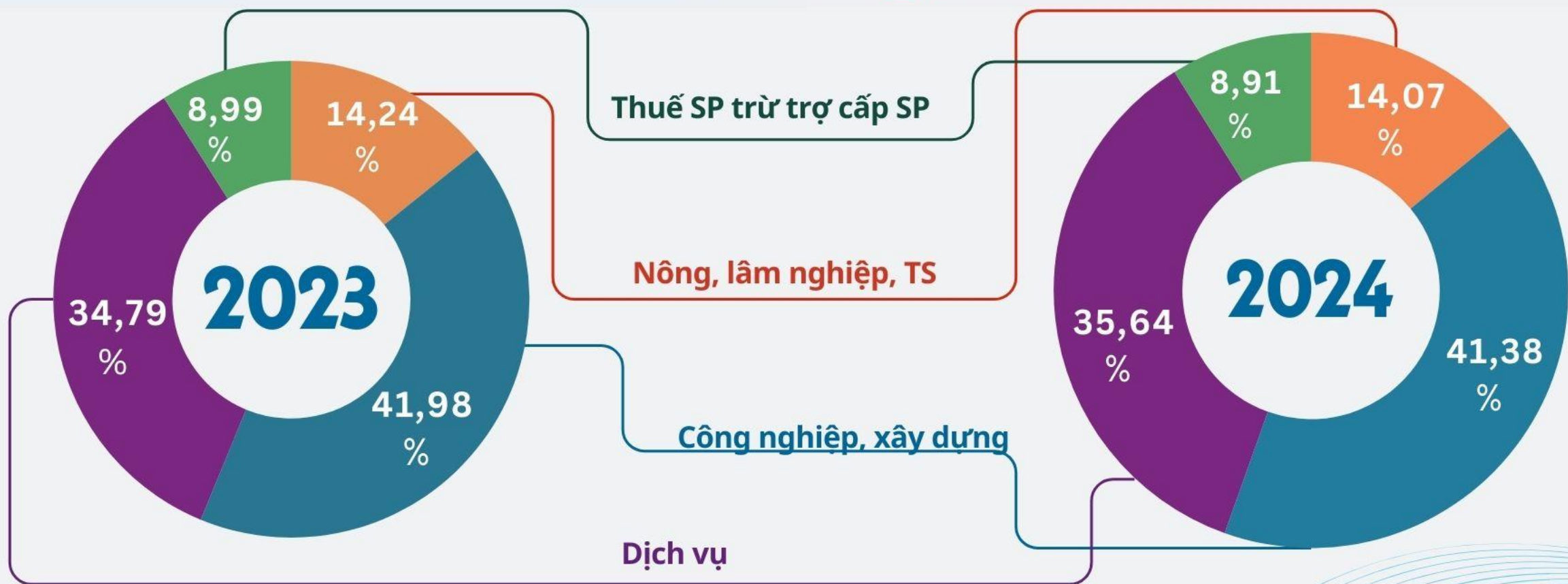
**Thông tin,
truyền thông**



+8,04%

**Tài chính, ngân hàng
bảo hiểm**

QUY MÔ VÀ CƠ CẤU NỀN KINH TẾ HÀ TĨNH



Cây hàng năm - Kết quả sản xuất năm 2024

Cây lúa

Diện tích **104.356** ha ▲ 0,06%

Sản lượng **598.018** tấn ▲ 3,35%

So với cùng kỳ năm trước



72.642 tấn

▲ 7,67%



25.031 tấn

▼ 2,78%



102.590 tấn

▲ 2,18%

Cây lâu năm - Kết quả sản xuất một số CLN năm 2024



69.490 tấn

⬆ 2,49%



39.427 tấn

⬆ 8,41%



4.767 tấn

⬆ 9,84%



34.215 tấn

⬆ 1,06%

Chăn nuôi - Số lượng đầu con và Sản lượng thịt hơi năm 2024

Số lượng đầu con

65.470 con

↓ 2,15%

SL thịt hơi

3.460 tấn

↓ 2,81%



So với cùng kỳ năm trước



161.265 con

↓ 1,68%

9.664 tấn

↓ 0,17%

405.267 con

↑ 1,30%

73.173 tấn

↑ 4,49%



10.251 nghìn con

↑ 1,91%

28.350 tấn

↑ 11,07%



Hoạt động lâm nghiệp năm 2024



Diện tích rừng trồng mới tập trung

9.788 ha ▼ **0,43%**

So với cùng kỳ năm trước



Sản lượng gỗ khai thác

▲ **7,34%**

625.952 m³



Diện tích rừng bị thiệt hại

▼ **62,41%**

17,41 ha

Sản lượng thủy sản năm 2024



Tổng sản lượng thủy sản

58.737 tấn ▲ 4,05%

So với cùng kỳ năm trước



41.378 tấn

Sản lượng Khai thác

▲ 4,46%



17.359 tấn

Sản lượng Nuôi trồng

▲ 3,09%

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) năm 2024

So với cùng kỳ năm trước



 **1,03%**
TOÀN NGÀNH



+40,37%

Khai khoáng

-5,39%
Chế biến, chế tạo



+19,61%

SX và PP điện, khí đốt

Cung cấp nước
và xử lý rác thải

+11,19%



Một số SP công nghiệp năm 2024

So với cùng kỳ năm trước



2.806

Nghìn m³



Đá xây dựng

+33,37%

4.407 Nghìn tấn



Thép không gỉ

-8,73%

10.099

Triệu KWh



+20,18%

Điện sản xuất

82.808

Nghìn lít

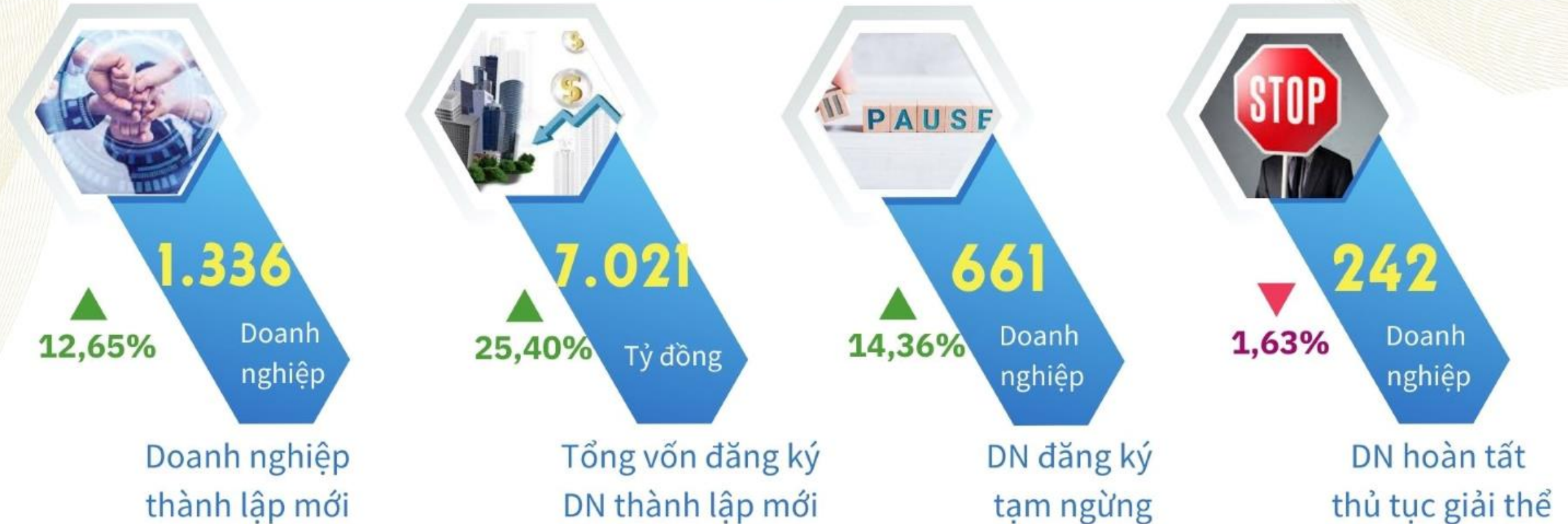


Bia đóng lon

+27,48%

Tình hình doanh nghiệp năm 2024

So với cùng kỳ năm trước



Thương mại - Dịch vụ năm 2024



Tổng số: **82.941,16** tỷ đồng ▲ **15,57%**



Bán lẻ hàng hóa

69.760,56 tỷ đồng
▲ 16,70%



Lưu trú, ăn uống
và du lịch lữ hành

8.599,73 tỷ đồng
▲ 12,41%



Dịch vụ khác

4.580,87 tỷ đồng
▲ 5,58%



Vận tải, kho bãi năm 2024

So với cùng kỳ năm trước

Vận tải hàng hóa



5.297,36

tỷ đồng

▲ **13,82%**

Vận tải hành khách



1.459,62

tỷ đồng

▲ **33,52%**

Tổng doanh thu: **8.465,23** tỷ đồng ▲ **17,39%**

Thu - Chi ngân sách nhà nước năm 2024

Tính đến ngày 31/12/2024 so với cùng kỳ năm trước



18.132,84

tỷ đồng

▲ 0,95%

Thu ngân sách



▲ +7,58%

26.145,01

tỷ đồng

Chi ngân sách

Hoạt động ngân hàng năm 2024

Huy động vốn

110.578

tỷ đồng



▲ 10,0%

Dư nợ cho vay

109.500

tỷ đồng



▲ 14,0%

Ước tính đến ngày 31/12/2024 so với cuối năm 2023



Vốn ĐT thực hiện toàn xã hội năm 2024

10,84%

57.106 tỷ đồng

Tổng số

23.678  **91,82%**
tỷ đồng



16.097  **18,89%**
tỷ đồng

17.331  **10,36%**
tỷ đồng



So với cùng kỳ năm trước

Xuất khẩu - Nhập khẩu năm 2024



Xuất khẩu - Export



2.400

triệu USD

▼ **2,20%**



3.740

triệu USD

▲ **3,89%**

Nhập khẩu - Import



Tổng trị giá XNK:

6.140 triệu USD ▲ **1,42%**

Chỉ số giá tiêu dùng - CPI



Tháng 12

100,37 %

- Tháng 12/2024 so với tháng 11/2024

So với tháng trước

Tháng 12

106,01 %

- Tháng 12/2024 so với tháng 12/2023

So với cùng kỳ

Quý IV

106,15%

- Bình quân quý IV/2024 so với quý IV/2023

So với cùng kỳ

Năm 2024

104,03%

- Bình quân năm 2024 so với cùng kỳ năm trước

So với cùng kỳ



Dân số năm 2024

1.329.825 người

Phân theo giới tính

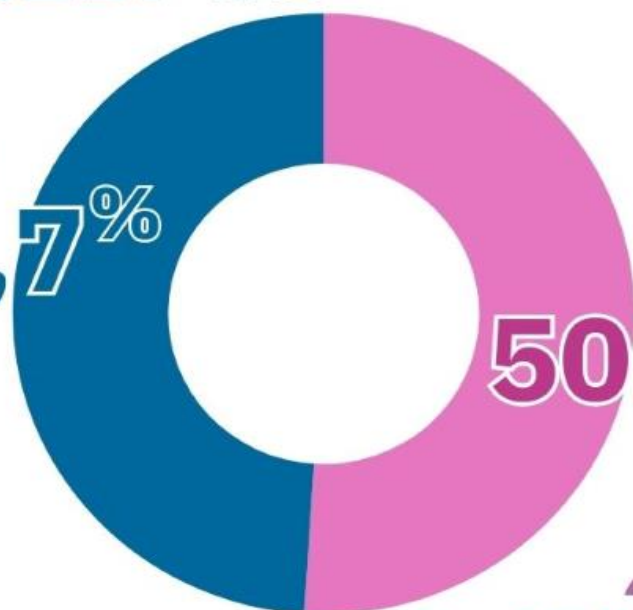


Phân theo thành thị, nông thôn

661.219 NAM



49,7%



50,3%



668.606 NỮ

THÀNH THỊ



300.380 người

1.029.445 người



NÔNG THÔN

Mật độ dân số toàn tỉnh hiện là **222 người/km²**
tăng **1 người/km²** so với năm 2023

Lao động, việc làm năm 2024



Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên **527.641** người



503.538
người

Lao động có việc làm



0,10% so với cùng kỳ năm 2023



5,27%

Tỷ lệ thất nghiệp
trong độ tuổi lao động



2,49%

Tỷ lệ thiếu việc làm
LĐ trong độ tuổi

An sinh xã hội năm 2024



1.802,03 tỷ đồng

Hỗ trợ người có công, các đối tượng bảo trợ xã hội
hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng khác



Cấp phát **504.807** thẻ bảo hiểm y tế

khám chữa bệnh miễn phí trên địa bàn toàn tỉnh

Tình hình tai nạn giao thông năm 2024

Tính từ ngày 15/12/2023 đến ngày 15/12/2024
đã xảy ra **407** vụ tai nạn giao thông
đường sắt và đường bộ, làm **226** người chết
và **250** người bị thương



TÍNH RIÊNG
QUÝ IV/2024



86 vụ



54 người



50 người